

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/HS-ST
Ngày 06-01-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hận.

Ông Nguyễn Việt Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Văn Bông – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời tham gia phiên tòa: Ông Dương Việt Khái – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 96/2019/HSST ngày 04 tháng 11 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2019/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 12 năm 2019 đối với các bị cáo:

- Bị cáo thứ nhất: Phạm Văn B, sinh năm 1997 tại Cà Mau; giới tính: Nam; nơi cư trú: Ấp A, xã KBĐ, huyện TVT, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Làm thuê; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 01/12; con ông: Phạm Văn N và bà Nguyễn Thị M; anh, chị, em ruột: 08 người; vợ: Thạch Thị T, sinh năm 1995; con: Chưa có; tiền án: Không; tiền sự: 01, ngày 02/9/2018 bị UBND xã Khánh Bình Đông xử phạt 4.000.000đ về hành vi say rượu gây mất an ninh trật tự và có lời nói, hành động đe dọa, lăng mạ, xúc phạm danh dự, nhân phẩm người thi hành công vụ, chấp hành đóng tiền phạt xong ngày 08/9/2018; bị bắt khẩn cấp ngày 31/8/2019 đến ngày 06/9/2019 cho tại ngoại đến nay (có mặt).

- Bị cáo thứ hai: Lê Văn G, sinh năm 1986 tại Cà Mau; tên gọi khác: Phan Văn G; giới tính: Nam; nơi ĐKNKTT: Ấp XN, xã VAĐ, huyện NH, tỉnh Cà Mau; chỗ ở: Sống lang thang tại Phường A, thành phố CM, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Làm thuê; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: Không biết chữ; con ông: Phan Văn T và bà Lê Thị D; anh, chị, em ruột: 05 người; vợ: Trần Thị L, sinh năm 1989; con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt khẩn cấp ngày 31/8/2019 đến ngày 06/9/2019 chuyển tạm giam đến nay (có mặt).

- Bị hại: Anh Phan Hữu N, sinh năm 1994 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp S, xã KBĐ, huyện TVT, tỉnh Cà Mau.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Phạm Thị M, sinh năm 1993 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp RL, xã KH, huyện TVT, tỉnh Cà Mau.

- Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn B: Bà Võ Bé Năm là Trợ giúp viên pháp lý nhà nước tỉnh Cà Mau (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ ngày 29 tháng 8 năm 2019, Phạm Văn B, Lê Văn G, Trần Thị L (vợ G), Lê Khánh B1, Danh T nhập tại nhà Thạch B2 (cha vợ B) tại ấp MH, xã KBĐ, huyện TVT, tỉnh Cà Mau. Đến khoảng 19 giờ nghỉ nhập, B rủ đến nhà Đào Văn T1 ở gần đó nhập tiếp, tất cả đồng ý. Lúc này B đi xuống xáng cuốc của Phan Hữu N đậu gần đó thay đồ để đi nhập tiếp (B là người làm thuê cho N). B nói với G và T “trên xáng cuốc chỉ có thằng B1, xuống xáng cuốc lấy trộm tài sản”. T nói với B “mày dẫn nó đi nhập đi để tao với thằng G lấy trộm đồ trên xáng cuốc”. Sau đó, B điều khiển xe mô tô hiệu Damsel, biển kiểm soát 60X2-67... chở B đến nhà L nhập. G và T đi xuống xáng cuốc của N quan sát không có người quản lý tài sản. T mở cửa sau cabin lần lượt vào lấy trộm 01 bình ắc quy hiệu Đồng Nai 30AH, 01 bình ắc quy hiệu Đồng Nai 100AH, 01 máy hàn điện hiệu Tân Thành, 01 máy cắt sắt hiệu Boss, 01 mũi khoan hiệu Crown, 01 bình gas cổ cao, 01 bếp gas hiệu Naka, 01 bộ chìa khóa đưa cho G để phía sau cabin. G vào bên trong cabin lấy trộm 01 bịch bột ngọt hiệu Vedan, 01 thùng mì hiệu Kokomi.

G và T lần lượt khiêng các tài sản vừa trộm được nêu trên để trong phòng ngủ của ông T1. Lúc này, B để B1 nhập tại nhà L rồi điều khiển xe về nhà T1 gặp T và G. T và G lần lượt khiêng tài sản vừa trộm được lên xe B. T ném bếp gas xuống sông bỏ. Riêng 01 bịch bột ngọt hiệu Vedan, 01 thùng mì hiệu Kokomi quá trình vận chuyển tới lui rơi mất.

B điều khiển xe chở G đến bán cho Danh C 01 bình ắc quy hiệu Đồng Nai 30AH, 01 bình ắc quy hiệu Đồng Nai 100AH, 01 máy hàn điện hiệu Tân Thành, 01 máy cắt sắt hiệu Boss giá 480.000 đồng. B chia cho G 100.000 đồng, số tiền còn lại chi xài cá N hết. Khoảng 23 giờ cùng ngày, N phát hiện tài sản trên xáng cuốc bị mất. Do sợ bị phát hiện nên G lấy bình gas để nhà ông T1 ném bỏ thì bị N phát hiện trình báo công an. Qua làm việc, Phạm Văn B và Lê Văn G thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại Kết luận về việc định giá tài sản số 47/BB KL ngày 31/8/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện Trần Văn Thời kết luận: 01 máy hàn điện trị giá 3.937.000 đồng; 01 máy cắt sắt trị giá 581.000 đồng; 01 bình ắc quy 30AH trị giá 410.000 đồng; 01 bình ắc quy 100AH trị giá 2.053.000 đồng; 01 cây khoan điện trị

giá 587.000 đồng; 01 bếp gas hiệu Naka trị giá 245.000 đồng; 01 bình gas cỡ cao trị giá 200.000 đồng; 01 bọc chìa khóa các loại trị giá 1.729.000 đồng; 01 thùng mì Kokomi trị giá 70.000 đồng; 01 bột ngọt trị giá 20.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản bị thiệt hại là 9.832.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 98/CT-VKS ngày 30/10/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời truy tố bị cáo Phạm Văn B và Lê Văn G về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

- *Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa:* Sau khi phân tích tính chất nội dung của vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo và khẳng định cáo trạng truy tố các bị cáo là có căn cứ, nên đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo B từ 06 tháng đến 01 năm tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo G từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 bếp gas hiệu Naka.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo B và G liên đới bồi thường tiếp cho anh Phan Hữu N số tiền 5.832.000 đồng, trong đó bị cáo B bồi thường 916.000 đồng, bị cáo G bồi thường 4.916.000 đồng.

Đối với xe mô tô hiệu Damsel, biển kiểm soát 60X2-67... chưa rõ nguồn gốc nên Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an huyện Trần Văn Thời tiếp tục tạm giữ để xác minh là có căn cứ.

- *Tại phiên tòa:* Bị cáo B và G thừa nhận nội dung bản cáo trạng truy tố là đúng hành vi phạm tội của các bị cáo và xin giảm nhẹ hình phạt; Bị cáo B đồng ý bồi thường thêm cho anh N; bị cáo G đồng ý bồi thường $\frac{1}{2}$ trên số tiền bị thiệt hại. Người bị hại anh Phan Hữu N xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo B và yêu cầu các bị cáo bồi thường tiếp số tiền 5.832.000 đồng. Chị Phạm Thị M không yêu cầu bị cáo B hoàn trả tiền đã khắc phục hậu quả cho người bị hại 4.000.000 đồng. Người bào chữa cho bị cáo B đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo B được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Trần Văn Thời, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng nên các

hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo B và G khai nhận khoảng 19 giờ ngày 29/8/2019 tại ấp MH, xã KBĐ, B, G và Danh T lợi dụng đêm tối không người trông coi tài sản đã thống nhất vào cabin xăng cuốc của anh Phan Hữu N chiếm đoạt 01 máy hàn điện, 01 máy cắt sắt, 01 bình ắc quy 30AH, 01 bình ắc quy 100AH, 01 cây khoan điện, 01 bếp gas hiệu Kasa, 01 bình gas cổ cao, 01 bọc chia khóa các loại, 01 thùng mì Kokomi, 01 bột ngọt qua định giá tổng trị giá tài sản bằng 9.832.000 đồng. Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra làm rõ tại phiên tòa. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực để chịu trách nhiệm hình sự và lén lút chiếm đoạt tài sản của anh N để bán tiêu xài cá nhân. Do đó, xét có đủ cơ sở kết luận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời truy tố các bị cáo tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ, hành vi và hậu quả do các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Các bị cáo nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng với bản chất ích kỷ, hẹp hòi, có tính tham lam, lười lao động, lợi dụng sự sơ hở của bị hại để chiếm đoạt tài sản bán lấy tiền tiêu xài cá nhân, gây mất an ninh trật tự xã hội tại địa phương. Hành vi của các bị cáo có dấu hiệu đồng phạm nhưng mang tính chất giản đơn, bị cáo B tham gia vai trò chính là người rủ rê, đề xuất và tiêu thụ; bị cáo G tham gia với vai trò tích cực trực tiếp lấy trộm tài sản mang đi tiêu thụ. Nhân thân bị cáo G xấu, từng 04 lần bị Tòa án kết án về tội trộm cắp tài sản, 01 lần bị kết án về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, bị cáo được xóa án tích; đối với bị cáo B có 01 tiền sự vì vào ngày 02/9/2018 bị UBND xã Khánh Bình Đông xử phạt 4.000.000đ về hành vi say rượu gây mất an ninh trật tự và có lời nói, hành động đe dọa, lăng mạ, xúc phạm danh dự, nhân phẩm người thi hành công vụ, chấp hành đóng tiền phạt xong ngày 08/9/2018. Do đó, cần phải có hình phạt nghiêm đối với các bị cáo nhằm giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành người công dân tốt có ích cho xã hội và phòng ngừa chung cho xã hội là cần thiết.

[4] Song sau khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo B và G đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo B phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo thuộc hộ nghèo và sau khi phạm tội đã khắc phục 4.000.000 đồng cho bị hại và được bị hại bãi nại cho bị cáo. Do đó, khi lượng hình Tòa án có xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo nhằm thể hiện tính khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo B và G là người trực tiếp gây thiệt hại cho anh N số tiền 9.832.000 đồng nên phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho anh Phan Hữu N. Tuy nhiên, bị cáo B đã khắc phục 4.000.000 đồng, còn lại số tiền 5.832.000 đồng phải có trách nhiệm liên đới bồi thường tiếp cho anh N, trong đó bị cáo B bồi thường 916.000 đồng, bị cáo G bồi thường 4.916.000 đồng là có căn cứ.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời về hình phạt đối với bị cáo B là có căn cứ, đối với bị cáo G là nặng. Đối với đề nghị của người bào chữa xin cho bị cáo B hưởng án treo là chưa phù hợp với quy định pháp luật, bởi bị cáo có 01 tiền sự và là người chủ mưu trong việc chiếm đoạt tài sản của anh N nên không thuộc trường hợp được hưởng án treo.

[7] Về vật chứng: Đối với 01 bếp gas hiệu Naka bị hư hỏng, không còn giá trị sử dụng và anh N không nhận lại nên tịch thu tiêu hủy là phù hợp. Đối với xe mô tô hiệu Damsel, biển kiểm soát 60X2-67... quá trình điều tra chưa xác định được ai là chủ sở hữu nên tiếp tục giao cho Công an huyện Trần Văn Thời tạm giữ để xác minh, làm rõ xử lý sau là có căn cứ.

[8] Đối với hành vi của Danh T và Danh C qua quá trình điều tra chưa thu thập được nhân thân, lai lịch và không làm việc được. Cơ quan điều tra đã ra thông báo truy tìm đối tượng và đề nghị tách ra tiếp tục điều tra xử lý sau. Do đó, đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trần Văn Thời và Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời tiếp tục điều tra làm rõ hành vi của Danh T và Danh C để xử lý theo quy định.

[9] Đối với Trần Thị L có chứng kiến và biết rõ Phạm Văn B, Lê Văn G lấy trộm tài sản của bị hại Phan Hữu N. Tuy nhiên, L không có bàn bạc thống nhất ý chí, không tham gia và không có lợi ích gì đến hành vi phạm tội của B và G nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trần Văn Thời và Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời không đề cập xử lý là có căn cứ.

[10] Án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm các bị cáo phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Lê Văn G và Phạm Văn B phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo **Phạm Văn B 06 (sáu) tháng tù**, thời hạn tù được tính kể từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án, được đối trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/8/2019 đến ngày 06/9/2019.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo **Lê Văn G 09 (chín) tháng tù**, thời hạn tù được tính kể từ ngày 31/8/2019.

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Phạm Văn B và Lê Văn G phải có trách nhiệm liên đới bồi thường tiếp cho anh Phan Hữu N số tiền 5.832.000 đồng, trong đó bị cáo B phải bồi thường 916.000 đồng, bị cáo G phải bồi thường 4.916.000 đồng.

Kể từ ngày anh N có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bị cáo B và G còn phải chịu khoản tiền lãi

của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 bếp gas hiệu Naka.

(Vật chứng hiện do Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 01/11/2019 giữa Công an huyện Trần Văn Thời với Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời).

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Án phí hình sự sơ thẩm buộc bị cáo B và G mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm buộc bị cáo B và G mỗi bị cáo phải nộp 300.000 đồng.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Bị cáo B và G, bị hại anh N và chị M có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau (01 bản);
- VKSND tỉnh Cà Mau (01 bản);
- VKSND huyện Trần Văn Thời (01 bản);
- Công an huyện Trần Văn Thời (02 bản);
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời (01 bản);
- Sở Tư pháp tỉnh Cà Mau (01 bản);
- Người tham gia tố tụng (04 bản);
- Hồ sơ vụ án (01 bản);
- Lưu Văn phòng (03 bản).

T/M: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trần Quốc Kiên